

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2020/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét Tờ trình số 134 /TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân

1

dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, như sau:

1. Sửa đổi Biểu định mức quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 3:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức năm 2021
1	Dưới 21 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	51
2	Từ 21 đến 40 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	49
3	Từ 41 biên chế trở lên	Triệu đồng/biên chế/năm	47

2. Sửa đổi cộng đầu dòng thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2 tại điểm b, Khoản 1, Điều 3:

+ Các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh được tính 34 triệu đồng/1 biên chế/năm

3. Sửa đổi Biểu định mức quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 3:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức năm 2021
1	Dưới 21 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	41
2	Từ 21 biên chế trở lên	Triệu đồng/biên chế/năm	38

4. Sửa đổi đoạn thứ 1, điểm a, Khoản 3, Điều 3:

Định mức phân bổ năm 2017 được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ ổn định giai đoạn 2011-2016, đồng thời đã tăng mức chi để đảm bảo các nhiệm vụ và cơ cấu: Các khoản chi tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương đảm bảo tối đa 82%, theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng; Các khoản chi khác (ngoài tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương) trong cơ cấu định mức đảm bảo tối thiểu là 18% để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên (chưa kể nguồn thu học phí)

5. Sửa đổi số thứ tự 1, số thứ tự 3 và số thứ tự 4 của Biểu định mức quy định tại điểm d, Khoản 8, Điều 4:

TT	Bậc	Đơn vị tính	Định mức năm 2021
1	Biên chế khối QLNN, Đảng, đoàn thể (1)		
	- Huyện đồng bằng	Triệu đồng/biên chế/năm	51
	- Huyện miền núi (1,1)	Triệu đồng/biên chế/năm	56
3	Khối đơn vị sự nghiệp		
	- Huyện đồng bằng	Triệu đồng/biên chế/năm	38
	- Huyện miền núi (1,1)	Triệu đồng/biên chế/năm	42
4	Định mức bổ sung		
	Hỗ trợ Hội có tính chất đặc thù	Triệu đồng/biên chế/năm	26
	Kinh phí hoạt động HĐND (3)	Triệu đồng/đại biểu/năm	37

6. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 1, điểm a, Khoản 2, Điều 4:

- Tiêu chí: Căn cứ tổng quỹ lương theo mức lương cơ sở (1.490.000đ) quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang để xác định chi khác ngoài lương theo tỷ lệ quy định cho từng cấp học (không kể thu học phí).

7. Sửa đổi cộng đầu thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2, điểm a, Khoản 2, Điều 4:

+ Chi khác ngoài lương (không kể thu học phí) cho các cấp học mầm non và trung học cơ sở đảm bảo mức tối thiểu theo tỷ lệ 82/18 (tỷ lệ lương/chi khác), đối với khối tiểu học đảm bảo mức tối thiểu theo tỷ lệ 80/20 (tỷ lệ lương/chi khác) theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.

8. Sửa đổi mục 9.1; nội dung 2, nội dung 3 mục 9.2 số thứ tự 9 và số thứ tự 10 của Biểu định mức quy định tại Điều 5:

TT	Lĩnh vực	Đơn vị tính	Định mức năm 2021 (không bao gồm lương, phụ cấp...)
9	Chi quản lý hành chính (4)		
9.1	Định mức phân bổ chi QLHC	Triệu đồng/biên chế/năm	26
9.2	Định mức bổ sung		
	Kinh phí hoạt động HĐND (5)	Triệu đồng/đại biểu/năm	16
	Hỗ trợ Hội có tính chất đặc thù	Triệu đồng/biên chế/năm	16
10	Chi sự nghiệp môi trường (6)		
	Xã loại 1	Triệu đồng/xã/năm	495
	Xã loại 2	Triệu đồng/xã/năm	470
	Xã loại 3	Triệu đồng/xã/năm	445
	Riêng đối với các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn Tam Đảo	Triệu đồng/xã/năm	130
*	Định mức bổ sung:		
	-Đối với thị trấn (không kể TT Tam Đảo)	Triệu đồng/Thị trấn/năm	130
	-Trường hợp có làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận.	Triệu đồng/làng nghề/năm	130

2

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này được áp dụng thực hiện cho năm ngân sách 2021.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVI, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH(01).T(100).



CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Thúy Lan